

TÍN NGƯỠNG VÒNG ĐỜI TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI CỦA NGƯỜI THÁI Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

HOÀNG THỊ LAN^(*)
PHẠM THANH HẰNG^(**)

Người Thái là một dân tộc ít người trong 54 dân tộc Việt Nam. Theo cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số dân tộc Thái ở Việt Nam có 1.550.423 người, chia làm 2 nhóm là Thái Đen và Thái Trắng. Người Thái có mặt ở 53 tỉnh, thành trong cả nước, trong đó tập trung đông ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An... và một số tỉnh Tây Nguyên.

Cũng như nhiều tộc người khác, cộng đồng người Thái ở Việt Nam hiện còn duy trì khá nhiều nghi lễ liên quan đến chu kỳ vòng đời con người. Đó là hệ thống tín ngưỡng với các lễ nghi liên quan đến cuộc sống của con người từ lúc sinh ra cho đến lúc chết, được thực hiện thông qua những nghi lễ cơ bản như nghi lễ trong sinh nở, nghi lễ trong hôn nhân, nghi lễ trong việc chữa bệnh và nghi lễ trong tang ma... Những nghi lễ xoay quanh các mốc thời gian quan trọng trong chu kỳ của một đời người có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội của mỗi cộng đồng dân cư, dân tộc nói chung, của đồng bào dân tộc Thái nói riêng, góp phần làm nên bản sắc văn hóa tộc người.

Tín ngưỡng vòng đời của người Thái thể hiện những giá trị xã hội sâu sắc. Đó là mối quan hệ huyết thống, dòng tộc,

làng xóm, khu vực và cộng đồng. Cũng như nhiều tộc người, nghi lễ sinh đẻ của người Thái thể hiện mối quan tâm của gia đình, cha, mẹ đối với người phụ nữ và đứa trẻ. Từ khi còn là bào thai trong bụng mẹ, cả gia đình đã hồi hộp lo lắng, chăm chút làm sao cho đứa trẻ ra đời hoàn thiện “mẹ tròn con vuông”. Người phụ nữ Thái khi mang thai, sinh nở phải kiêng khem rất nhiều thứ. Thậm chí, người chồng khi vợ mang thai cũng phải kiêng một số việc nhất định. Khi đứa trẻ chào đời được người thân đón nhận với rất nhiều các nghi lễ khác nhau để mong cho bé được lớn lên mạnh khỏe, thông minh, tháo vát, đảm đang công việc⁽¹⁾.

Hôn nhân của người Thái cũng trải qua nhiều lễ thức khác nhau như dạm ngõ (pay chóm), ăn hỏi (pay tam, pan khẩu vay), lễ cưới (pang cưới, kín cưới, pan khẩu luông...). Lễ lại mặt... Mỗi lễ thức này lại bao hàm trong nó nhiều nghi lễ và các lễ vật cầu kỳ. Các nhóm người Thái khác nhau có cách tiến

*. TS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

**., NCS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Xem: Ngô Đức Thịnh, Cẩm Trọng sưu tầm, dịch, chú thích và giới thiệu. *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, 1999.

hành hôn lễ riêng, nhưng nhìn chung, nó đều thể hiện sự gắn kết dòng họ, gắn kết cộng đồng rất chặt chẽ⁽²⁾.

Khi ốm đau, bệnh tật, người Thái thường thực hiện các lễ cúng gọi hồn. Người Thái quan niệm rằng, con người sống được là nhờ có linh hồn (khuôn, vắn) ngụ trong thể xác. Vì vậy, khi đau, ốm, họ thực hiện khá nhiều nghi lễ khác nhau như gọi hồn lạc (hiếc khuôn, vắn om), tìm hồn lạc (xọc khuôn, vắn), dỗ hồn lạc (ỏi khuôn, vắn)... để mong được mạnh khỏe. Trong các nghi lễ chữa bệnh của người Thái, vai trò của thầy cúng có một vị trí đặc biệt quan trọng. Thầy cúng đóng vai trò như là chiếc cầu nối để người bệnh có thể giao tiếp với thần linh⁽³⁾.

Trong tang ma, người Thái có những nghi lễ phức tạp, chặt chẽ về quy trình và mất nhiều thời gian, tiền của. Ở từng địa phương, dòng tộc, tang ma của người Thái có những nghi lễ khác nhau. Song nhìn chung lễ tang của người Thái được tiến hành theo các bước gồm: *Lễ tắm xác* (con cháu vuốt mắt, lau nước thơm, chải đầu, mặc quần áo); *lễ niệm* (con cháu cắt vải trắng tự dệt, đắp cho người chết, khi liệm xong thì đặt mâm, cúng thịt gà, có bát xôi, dôi dũa và tiến hành đánh chiêng báo tang); *lễ nhập quan* (thầy mo cầm đuốc sáng, tay xách lồng gà đứng sát quan tài, mở nắp gọi hồn người chết nhập quan và ngăn cản vía của con cháu không được theo); *lễ tạ ơn cha mẹ* (con cháu đích tôn giết một con lợn, cúng cha hoặc mẹ); *lễ chính* (thầy mo kể lai lịch người chết sau đó dẫn đường linh hồn người chết về nhà mồ); *lễ đưa tang* (người chết được chôn trong khu vực ma đăm, nhà mồ được làm 4 cột hay 2 cột, nhất thiết phải có phần sàn và phần mái đẹp); *lễ đưa cơm cuối cùng* (ngay trong ngày chôn hoặc sáng hôm sau, con cháu mổ gà đưa cơm cúng tại nhà mồ); *lễ rửa*

nhà (sau hai, ba ngày, tang chủ mổ gà mời thầy mo đến dùng lời xua đuổi tà khí)⁽⁴⁾...

Có thể nói, tín ngưỡng vòng đời của người Thái chứa đựng trong đó rất nhiều giá trị nhân văn, giá trị luân lý, đạo đức và giá trị nghệ thuật đặc sắc, góp phần làm nên sắc thái văn hóa tộc người. Những giá trị nói trên được thể hiện tập trung nhất trong các nghi lễ cưới hỏi và nghi lễ tang ma. Trong nghi lễ cưới hỏi của người Thái bao giờ cũng có sự đề cao vai trò nhà gái, thể hiện tấm lòng quý mến, trân trọng người con gái và công lao nuôi dạy con cái của gia đình nhà gái. Cưới hỏi cũng là dịp để họ hàng người Thái gặp mặt thăm hỏi, động viên chia sẻ với nhau. Còn trong nghi lễ tang ma của người Thái thì đạo hiếu được thể hiện rất rõ nét. Từ khi sinh ra, đến lúc trưởng thành, cưới xin, người đi trước lo cho người đi sau và đến cuối đời, người đi sau lại lo cho người đi trước. Đó là trách nhiệm và bổn phận, đồng thời cũng thể hiện giá trị nhân văn, giá trị luân lý, đạo đức trong mối quan hệ giữa con người với con người. Người Thái quan niệm rằng, khi ông bà, cha mẹ mất đi, hồn vẫn chưa lên được ngưỡng trời, vẫn phải chịu mọi cực nhọc ở trần gian. Con cháu muốn làm ăn thuận lợi thì phải lo làm hiếu cho ông bà, cha mẹ một cách đầy đủ, để linh hồn người chết được giải thoát. Vì vậy, nghi lễ tang ma của người Thái diễn ra hết sức cầu kỳ và thể hiện rõ tính cộng đồng xã hội ở qui mô lớn. Mỗi khi gia đình nào đó tổ chức các nghi lễ tang, ma, bà con trong dòng tộc đều phải hỗ trợ bằng cách đóng góp tiền bạc, của cải và phải đến tham dự. Ngoài ra còn có

2,3,4. Xem: Ngô Đức Thịnh, Cẩm Trọng sưu tầm, dịch, chú thích và giới thiệu. *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Sđd.

sự tham gia đông đảo của người ngoài dòng tộc ở trong và ngoài bản mường. Quan niệm “việc hàng xóm là việc của mình, việc nhà mình là việc hàng xóm” đã trở thành nền nếp, tập quán xưa nay mà mỗi thành viên trong cộng đồng người Thái đều phải luôn có ý thức tự nguyện thực hiện.

Như vậy, có thể thấy, từ bao đời nay, tín ngưỡng vòng đời không chỉ đáp ứng phần nào nhu cầu nhận thức, nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh, mà còn là nhân tố quan trọng góp phần củng cố, gắn kết mối quan hệ cộng đồng bền chặt trong đời sống xã hội của người Thái ở Việt Nam. Bên cạnh đó, tín ngưỡng vòng đời của người Thái còn chứa đựng trong nó nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc. Những cuộc mo, cuộc hát... chính là kho tàng thơ ca dân gian phong phú, đa dạng. Nhiều bài dân ca, đồng dao, tục ngữ... của người Thái đã được phổ biến rộng rãi như *Sử thi ảm ệt*, *Sắc chụ*... Những giá trị văn hóa phi vật thể này đã và đang góp phần quan trọng làm nên bản sắc văn hóa tộc người, góp phần bảo lưu và chuyển tải giá trị văn hóa của người Thái qua các thế hệ.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực nói trên, tín ngưỡng vòng đời của người Thái hiện cũng có những tác động tiêu cực không nhỏ đến đời sống xã hội của đồng bào. Tín ngưỡng vòng đời tuy chỉ là hệ thống niềm tin với các nghi lễ liên quan đến những thời kì chuyển tiếp của con người trong gia đình và dòng họ nhưng lại là những nghi lễ gây tốn kém về tiền bạc, thời gian, đặc biệt là các nghi lễ cưới hỏi và nghi lễ tang ma. Hiện nay, nghi lễ cưới hỏi của người Thái vẫn còn duy trì nhiều thủ tục rườm rà. Trong lễ cưới, nhà trai phải chuẩn bị nhiều lễ vật, vì theo tập quán, toàn bộ chi phí cho

đám cưới là do nhà trai lo (Ví dụ, một gia đình dòng họ Mè ở huyện Yên Châu - Sơn La, đã chuẩn bị lễ vật đám cưới cho con trai như sau: 60 đồng bạc trắng gọi là ngân khà hòa (tiền công đầu); 5 đến 10 đồng bạc ngân khỏ khén (tiền sữa mẹ); 80 con gà từ 0,6 - 1kg/con; 80 ống thịt lợn, thịt trâu hoặc thịt bò ướp muối cho vào ống tre, 0,3kg/ống; 80 rọ cá phơi khô, 3con/rọ; 5 - 10kg thịt bò ướp muối và thính cho vào chum để khô; 01 con trâu hoặc một con bò từ 100kg trở lên, 01 con lợn từ 10kg trở lên, 100kg gạo nếp)⁵. Với nhà gái, đám cưới của con gái cũng là một gánh nặng vì khi con gái về nhà chồng phải mang theo rất nhiều của hồi môn. Hiện nay, việc chuẩn bị của hồi môn cho con gái lấy chồng của các gia đình người Thái đã có ít nhiều thay đổi ở một số vùng. Ở những vùng mà người Thái sống xen kẽ hoặc gần với người Kinh thì việc chuẩn bị của hồi môn cho con gái đỡ nặng nề hơn. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương, việc chuẩn bị lễ vật hồi môn cho con gái vẫn đang là gánh nặng của không ít gia đình người Thái hiện nay (Gia đình ông Cà Văn Sịch đang sống tại bản Nà Nhung, xã Mường Chùm, huyện Mường La - Sơn La có 9 người con, gồm 3 trai, 6 gái đều đã lập gia đình. Của hồi môn mà ông đã chuẩn bị cho con gái đi lấy chồng như sau: Con gái đầu, cho 6 chăn, 6 đệm; 20 đôi khăn Piêu, gói; một bộ đồ dùng nấu ăn gồm 1 ninh, 1 chõ đồ xôi, bộ bát đĩa gồm 10 bát to, 10 bát nhỏ, 10 đĩa. Con gái thứ hai, ba, bốn, năm; mỗi người 10 chăn, 10 đệm, 1 máy khâu; 30 đôi khăn Piêu, gói; một bộ xoong, nồi, 10 bát, đĩa mới.

5. Dẫn theo Cẩm Vi Hoa Quỳnh. *Tín ngưỡng của người Thái ở Sơn La hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2009, tr. 70, 85.

Riêng con gái út; ngoài cho đủ như các chị gái, còn được cho thêm 1 con lợn nái đang có chửa, 1 con chó, 1 con mèo và mấy con vịt mang theo về nhà chồng gây giống làm ăn...⁽⁶⁾.

Bên cạnh đó, việc tổ chức ăn uống linh đình nhiều ngày trong đám cưới, đám tang lại đang có xu hướng tăng lên. Trong cộng đồng người Thái, trước đây đám cưới thường mổ lợn, nhưng hiện nay, những đám cưới phải mổ cả lợn, cả bò. Việc tổ chức ăn uống kéo dài đến 3 ngày, thậm chí 5 ngày, đang diễn ra khá phổ biến ở một số địa phương. Và ở một số vùng, người Thái còn phân biệt hai loại khách mời ăn cỗ. Khách nhận được giấy mời, ăn ngày hôm trước, mâm cỗ to hơn; khách được mời bằng miệng, ăn ngày hôm sau, mâm cỗ đơn giản hơn. Điều này dường như có gì đó không phù hợp với truyền thống ứng xử công bằng và tình nghĩa của người dân tộc Thái.

Khi ốm đau, phần lớn người già không muốn đến bệnh viện chữa trị mà chỉ muốn con cháu mời thầy mo về nhà làm lễ. Nếu ốm nhẹ, thầy mo cúng 1 ngày, ốm nặng thì cúng đến 3 ngày. Trong những ngày thầy mo đến làm lễ, cả gia đình phải nghỉ hết công việc, kiêng không tiếp khách. Mỗi lần tổ chức cúng, chi phí cho lễ vật dâng cúng Thần linh và tiền công cho thầy mo vào khoảng 150 nghìn - 160 nghìn đồng⁽⁷⁾.

Nghi lễ tang ma của người Thái là nghi lễ quan trọng nhất và chứa đựng nhiều thành tố của sắc thái văn hóa. Người Thái quan niệm rằng, ở thế giới bên kia, người chết cũng có cuộc sống như ở cõi dương gian. Nếu như linh hồn ở cõi âm được hiến tế, dâng cúng lễ vật tử tế, thì những linh hồn đó sẽ phù hộ, độ trì cho những người ở cõi dương có được

cuộc sống no đủ; che chở, bảo vệ cho người ở cõi dương trước mọi hiểm họa, bệnh tật. Ngược lại, nếu người còn sống không thực hiện lễ nghi, tế tự dâng hoàng, không sắm sửa đầy đủ các loại lễ vật theo qui định, không thành tâm, hoặc cầu cúng không đều đặn... thì những linh hồn ở thế giới bên kia đói khổ, sẽ quay lại quấy phá, làm cho người còn sống, sinh ra ốm đau, bệnh tật.

Với quan niệm như vậy, cho dù đói khổ đến mấy, người dân tộc Thái cũng không tiếc tiền, tiếc của và thời gian cho các nghi lễ. Họ chăm chỉ tổ chức và tham gia đầy đủ các loại nghi lễ từ trong gia đình, dòng họ, gia đình bên cha, bên mẹ cho đến nghi lễ cộng đồng, thậm chí họ lo cho những linh hồn người chết ở thế giới bên kia còn sung túc hơn chính cuộc sống của bản thân họ. Dù điều kiện kinh tế của gia đình không cho phép, người dân tộc Thái vẫn đi vay mượn để làm lễ, họ sợ Thần linh trừng phạt, và làng xóm chê cười. Một số gia đình phải đi vay nặng lãi và trở nên túng bấn vì nợ nần. Có gia đình sau khi làm đám ma cho người thân xong, nợ nần đến đời con, đời cháu vẫn chưa trả hết.

Mặc dù hiện nay, các tập tục trong tang, ma của người dân tộc Thái đã có thay đổi theo chiều hướng tiến bộ, ở một số địa phương, đám tang chỉ diễn ra trong vòng một ngày, nhưng có nơi vẫn để người chết trong nhà đến 3 - 4 ngày. Mỗi khi có tang, ma, toàn bộ con cháu trong dòng họ và hàng xóm láng giềng, thông gia đều ở nhà phục vụ. Bên cạnh đó, theo phong tục ở nhiều vùng, mỗi gia

6. Dẫn theo Cẩm Vi Hoa Quỳnh, *Tín ngưỡng của người Thái ở Sơn La hiện nay*, Tlđđ, tr. 70, 85.

7. Dẫn theo Cẩm Vi Hoa Quỳnh, *Tín ngưỡng của người Thái ở Sơn La hiện nay*, Tlđđ, tr. 70, 85.

đình anh em, họ hàng người chết đều phải có mâm cỗ để cúng cho người chết, nếu gia đình khá giả, mâm cỗ cũng phải có thủ lợn, con gà, còn gia đình khó khăn cũng phải có con gà. Sau đám tang, gia đình có tang phải làm cơm mời những người đến giúp để cảm ơn. Do vậy, chi phí cho đám tang của người dân tộc Thái cho đến nay vẫn rất tốn kém.

Theo tập quán truyền thống, người Thái không có tục lệ cải táng. Sau khi mai táng cho người chết, họ rước phần hồn về trú ngụ trên bệ thờ trong gia đình. Các ngày lễ, tết, gia đình mới làm lễ cúng hồn tổ tiên. Tuy nhiên, hiện nay ở một số vùng mà người dân tộc Thái sống xen kẽ hoặc gần người Kinh, bắt đầu thấy xuất hiện hiện tượng làm lễ cúng 3 ngày, 9 ngày, 49 ngày và tổ chức ăn uống linh đình như người Kinh, gây thêm tốn kém và mất đi nét riêng biệt trong sắc thái văn hóa tộc người.

Bên cạnh việc duy trì nhiều hủ tục lạc hậu gây cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào là việc mai một dần những nét hay, nét đẹp các giá trị văn hóa truyền thống. Theo phong tục của người dân tộc Thái, khi một gia đình có tin vui, tin buồn thì đây là tin vui, tin buồn của cả dòng họ, bản, mường. Vì vậy, tất cả thành viên trong bản, mường thể hiện sự quan tâm của mình không chỉ bằng tình cảm mà còn bằng sự đóng góp về mặt vật chất... Phong tục này thể hiện tính tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng, góp phần củng cố, gắn kết mối quan hệ cộng đồng bền chặt. Tuy nhiên, phong tục này đang có xu hướng dần bị mai một trong cộng đồng người Thái.

Trong một thời gian dài, chúng ta vận động đồng bào xây dựng nếp sống văn hóa mới, loại bỏ những hủ tục lạc hậu.

Nhưng do chưa nhận thức đầy đủ nên có những nghi lễ mang giá trị văn hóa của đồng bào cũng bị loại bỏ và cho đến nay ở nhiều vùng, những giá trị đó vẫn chưa được khôi phục lại. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc nói chung, của đồng bào dân tộc Thái nói riêng. (Theo chúng tôi, lễ “lên thang và ăn thề” là một nét đẹp văn hóa trong đám cưới của đồng bào dân tộc Thái ở một số vùng phải được khôi phục lại. Nghi lễ này diễn ra như sau: Trong lễ cưới, khi đoàn đón dâu về đến nhà trai, dâu rẽ bước lên nhà sàn, thấy mo sẽ dội gáo nước phước lành vào chân họ. Cô dâu bước vào cửa ngõ nón chào các bậc cha chú và khách tham dự đám cưới. Mọi người bỏ vào nón của cô dâu những đồng tiền cầu may. Sau đó, cô dâu, chú rể ngồi bên nhau trước bàn thờ tổ tiên nghe thầy mo nói lời “ra mắt”, rằng cô dâu đã thuộc về dòng họ này. Đôi vợ chồng nói lời thề trước bàn thờ tổ tiên và cùng nhau uống rượu cần. Thầy mo đưa chéo tay cho hai người đôi con gà với hàm ý tình vợ chồng bền chặt keo sơn, không bao giờ xa rời)⁸.

Trong đám hỏi, đám cưới truyền thống của dân tộc Thái xưa có rất nhiều bài hát dân ca mang đậm sắc thái văn hóa tộc người, nhưng tiếc rằng đang bị mai một dần. Nhiều đám cưới chỉ có nhạc rốc, nhạc rap giống như đám cưới của người Kinh ở thành phố. Trang phục của cô dâu, chú rể đang bị thay thế bằng các trang phục của người Kinh. Trong tiệc cưới xuất hiện bia, rượu mạnh thay thế cho rượu dân tộc. Ngày nay, hầu hết đám cưới của người dân tộc Thái được bài trí khánh tiết, không còn ở những nếp nhà sàn

8. Xem: Trần Văn Bính (chủ biên). *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 64.

truyền thống, thay vào đó là cách dựng rạp, trang trí theo phong cách hiện đại⁹.

Một số nét hay, nét đẹp trong phong tục cưới hỏi của đồng bào dân tộc Thái cũng đang dần bị biến tướng. Trước đây, có tục “ngủ thăm” rất trong sáng và có ý nghĩa, hiện nay, tục lễ này chỉ còn được duy trì ở một số địa phương. “Theo phong tục, những thiếu nữ đến tuổi cập kê, tới đến thấp một ngọn đèn, buông màn sớm và nằm trong đó. Các chàng trai đã để ý cô gái mình thích từ trước, đến tối sẽ tìm cơ hội vào ngủ thăm. Nếu thấy đèn trong buồng cô gái còn sáng, chàng trai phải tự cạy cửa để vào nhà. Chàng trai sẽ nằm xuống bên cạnh cô gái và phải để tự cô gái vặn nhỏ hoặc tắt ngọn đèn. Hai người chỉ được trò chuyện, tâm sự mà không được chạm vào người nhau. Sau nhiều đêm tìm hiểu, cô gái sẽ có quyết định cho chàng trai “ngủ thật” hay không. Để được “ngủ thật” cùng nhau, hai người phải thưa với bố, mẹ của cả hai gia đình. Khi thời gian “ngủ thật” bắt đầu, cũng là lúc chàng trai phải đến ở làm công cho gia đình cô gái. Ngày đi làm cùng gia đình, tối về ngủ với cô gái mình có ý định tìm hiểu. Trong thời gian này, chàng trai không được về nhà mình, muốn về phải được gia đình cô gái cho phép. Nếu cô gái không thích chàng trai thì cô sẽ gói quần áo của chàng trai cùng với một gói cơm nắm cho vào địu và bảo chàng trai rằng: “Anh cứ về thôi!”, như thế có nghĩa là cô gái đã từ chối. Hoặc cô gái bảo: “Hôm qua, em nằm mơ thấy ác mộng”, chỉ cần như vậy chàng trai đã hiểu rằng mình không được chấp nhận.

Qua đây, có thể thấy văn hóa thời hiện đại đang có ảnh hưởng mạnh vào mọi cộng đồng dân tộc, trong đó có cộng đồng dân tộc Thái ở Việt Nam. Nó góp phần nâng cao mức sống cho đồng bào

các dân tộc nhưng cũng làm che mờ, thậm chí mài mòn những giá trị văn hóa mang bản sắc tộc người.

Như vậy, tín ngưỡng nói chung, tín ngưỡng vòng đời nói riêng vừa là sản phẩm, vừa là sự phản ánh trở lại đời sống hiện thực. Như các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng khác, tín ngưỡng vòng đời của đồng bào dân tộc Thái được nảy sinh và tồn tại dựa trên những điều kiện nhất định của môi trường xã hội, nó phản ánh ý nguyện, trình độ tư duy của con người, nhưng nó luôn biến đổi chậm so với cơ sở kinh tế - xã hội mà nó được sản sinh. Những yếu tố lạc hậu, bất cập, lỗi thời còn tồn tại trong các nghi lễ đã và đang bộc lộ mặt phản giá trị và trở thành lực cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Thái. Bên cạnh đó, trong xu thế mới của dân tộc và thời đại, sinh hoạt tín ngưỡng vòng đời cũng đang đứng trước những thách thức lớn. Nguy cơ mai một một dân bản sắc văn hóa tộc người đang diễn ra song hành với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào. Vì vậy, quan tâm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung, đồng bào dân tộc Thái nói riêng, loại bỏ dần những yếu tố lạc hậu, lỗi thời trong sinh hoạt tín ngưỡng vòng đời là vấn đề rất cần thiết. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số và bổ sung cho nó những nội dung mới của văn hóa dân tộc và thời đại, thông qua sinh hoạt tín ngưỡng vòng đời chính là góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc./.

9. Trần Văn Bính (chủ biên). *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Sđd, tr. 52 - 70 và tr. 497 - 508.